

Bản án số: 44/2025/DS-PT

Ngày 11 - 3 - 2025

V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán:

Bà Đào Thị Huệ

Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2024/TLPT-DS ngày 16-12-2024 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐ-PT ngày 17/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Số E đường C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức H, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh B

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Tường M, sinh năm 2002 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ H khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X: Ông Trần Đức H, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh B.

2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ H khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ1: Ông Trần Đức H, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh B.

3. Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A Ô khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q1: Ông Trần Đức H, Luật sư thuộc Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh B

4. Bà Võ Thị Như L, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ H khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kháng cáo:

1. Bà Nguyễn Thị Q, là nguyên đơn trong vụ án.

2. Bà Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị X và Nguyễn Thị Đ1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày như sau:

Cha mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị Q là ông Nguyễn Công K (sinh năm 1928, chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1927, chết năm 1999). Quá trình chung sống thì ông K bà P sinh được 05 người con chung là các ông bà: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T. Ngoài những người con chung này thì ông K và bà P không còn người con riêng hay con nuôi nào khác. Cha mẹ đẻ của ông K và bà P đều chết trước ông K và bà P. Bà Q cam kết việc khai hàng thừa kế như trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

Trong quá trình chung sống ông K và bà P tạo dựng được tài sản chung là: Diện tích đất 65m² và một căn nhà cấp 4 nằm trên đất thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông K và bà P chết không để lại di chúc đối với phần nhà đất này và tại thời điểm ông K, bà P chết thì phần nhà đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này khi Nhà nước có chính sách làm giấy tờ nhà đất nên bà Nguyễn Thị Q1 và bà Q có đến UBND thị trấn L ký văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất của ông K bà P để tiện cho việc sử dụng. Cụ thể văn bản mà bà Q kí tại UBND thị trấn L là văn bản có tiêu đề Ủy quyền làm sổ đỏ, bà Q có viết thêm vài chữ tại chữ kí của mình vào tờ đơn uỷ quyền như sau: “*chỉ ủy quyền cho ông T đứng tên và chỉ cho ở không cho bán*”. Bà Q khẳng định: Bà Q và bà Q1 chỉ ủy quyền cho ông T làm sổ đỏ, chứ không từ chối nhận di sản thừa kế của ông K bà P. Đồng thời, ngoài văn bản ủy quyền làm sổ đỏ này thì bà Q không kí vào bất kì văn bản nào khác. Trước khi kí ủy quyền thì cán bộ tại UBND thị trấn L cũng đã giải thích cho bà Q về việc kí vào đơn để ủy quyền cho ông T làm sổ đỏ, tuy nhiên ông T lại có tờ “Đơn từ chối nhận di sản thừa kế” có chữ kí của bà Q thì bà Q hoàn toàn không biết. Đối với bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn Thị X thì ông Nguyễn Văn T có ý lừa gạt, ông T đem đơn xuống nhà bà Đ1 và bà X và nói là ông T bán đất ruộng nên nhờ ký vào giấy đề cho ông T bán đất ruộng. Bà X, bà Đ1 không biết chữ nên ông T lấy ra hộp lăn tay yêu cầu bà X, bà Đ1 lăn tay vào.

Nhà đất thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L là di sản thừa kế của ông K bà P. Việc ông T tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông T bà Võ Thị Như L và việc ông T bà L tự ý tặng cho con gái là cháu Nguyễn Thị Tường M được đứng tên trên sổ đỏ thì bà Q không đồng ý.

Bà Q xác nhận chữ kí và chữ viết trong đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế là của bà Q, nhưng bà Q nhớ là chỉ kí để ủy quyền cho ông T được đứng tên sổ đỏ chứ không từ chối nhận di sản thừa kế gì cả.

Nay bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503, diện tích 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị P để lại là diện tích đất 65m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, trên đất có một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành 05 phần bằng nhau cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị P bao gồm bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn T.

- Về căn nhà trên đất tranh chấp: Căn nhà cũ trước đây do ông K, bà P xây dựng. Tuy nhiên do thời gian xây dựng đã lâu và sau khi Nhà nước thu hồi một

phần đất để làm đường thì ông T đã sửa chữa lại căn nhà này. Ngoài ra, do ảnh hưởng của bão nên căn nhà trên đất cũng hư hỏng nhiều. Ông T đã tự ý đập căn nhà cũ và xây dựng một căn nhà mới như bây giờ mà không báo với các chị em bà Q. Nay bà Q yêu cầu Tòa án chia giá trị căn nhà cũ do ông K, bà P xây dựng với giá trị hao mòn đến thời điểm hiện tại là khoảng 150.000.000đ.

Bà Q đồng ý để lại nhà đất cho ông T tiếp tục sử dụng. Ông T phải hoàn trả lại cho bà Q giá trị phần quyền sử dụng đất mà bà Q được nhận thừa kế.

Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 bà Q không có ý kiến gì.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Cha mẹ ông T là ông Nguyễn Công K (sinh năm 1928, chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1927, chết năm 1999) có 05 người con tên là: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T; Ngoài những người con này thì không còn người con nào khác cả, ông bà nội ngoại của ông T đều chết trước ông K và bà P' ông T cam kết việc khai hàng thừa kế như trên và tự chịu trách nhiệm với lời khai của mình. Ông K và bà P trong quá trình chung sống có tạo dựng được tài sản chung là: Diện tích đất 65m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, trên đất có một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; Ông K và bà P chết không để lại di chúc đối với phần nhà đất này và tại thời điểm ông K, bà P chết thì phần nhà đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T chung sống cùng ông K, bà P tại nhà đất này từ nhỏ đến lớn, sau đó ông K, bà P đã nói cho ông T phần nhà đất này nhưng chỉ nói bằng miệng và không có giấy tờ gì cả.

Sau khi ông K, bà P chết thì ông T vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng nhà đất này cùng với vợ ông T là bà L. Đến năm 2008 khi có chủ trương của nhà nước là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các chị em trong nhà đã thống nhất để phần nhà đất này lại cho ông T và các chị của ông T đã thống nhất kí tên vô đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế tại UBND thị trấn L vào ngày 6/6/2008 và đã được UBND thị trấn L xác nhận đúng quy định. Phần đất này là đất thừa kế của ông T được hưởng nhưng tại thời điểm cấp giấy thì ông T đã kết hôn với bà L nên sau khi hoàn tất hồ sơ thì ngày 07/10/2008 ông T và bà L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503 đối với diện tích 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do ông T bà L chỉ có một người con gái nên đã ông T bà L đã ký tặng cho toàn bộ phần nhà đất này cho con là Nguyễn Thị Tường M để sau này lỡ có chuyện gì khỏi rắc rối cũng để tiện cho công việc làm ăn cũng như những dự định sau này của gia đình.

Trên đất trước kia có một căn nhà do ông K, bà P xây dựng lên, căn nhà xây từ xưa, sau đó vào năm 2000 nhà nước thu hồi phần đất phía trước nhà để làm đường nên ông T phải đập bỏ một phần ngôi nhà phía trước và tự bỏ tiền ra để tiến hành sửa lại toàn bộ căn nhà. Năm 2001 ông T lấy bà L và hai vợ chồng vẫn sinh sống trên căn nhà này, đến năm 2005 do bị bão đã phá huỷ gần như

toàn bộ căn nhà nên vợ chồng cùng với sự hỗ trợ của nhà nước đã bỏ tiền ra cất lại căn nhà mới, đến năm 2023 do nhà đã xuống cấp nên vợ chồng đã đập bỏ hoàn toàn căn nhà cũ và xin giấy phép xây dựng để xây lại căn nhà mới như bây giờ nên căn nhà xây dựng trên đất là hoàn toàn do vợ chồng ông T bỏ tiền ra xây dựng lên chứ không phải của ba mẹ ông T.

Trước đây ông K và bà P có sở hữu phần đất rất lớn, cũng đã cho các con gái là bà Nguyễn Thị Đ1 và bà Nguyễn Thị Q mỗi người đã có một phần đất sát sau lưng căn nhà của ông T chứ không phải là chưa được chia đất. Nay do gia đình không có sự đồng thuận, các chị của ông T có mâu thuẫn với vợ ông T nên mới phát sinh ra việc thừa kiện để đòi chia đất chứ trước đó các chị của ông T không có ý kiến gì về phần nhà đất này cả, gia đình ông T vẫn sinh sống trên phần đất này mấy chục năm, ngoài gia đình ông T ra thì không còn ai khác sinh sống trên nhà đất này cả.

Nay ông T không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc chia di sản thừa kế của ông K và bà P vì đây là tài sản của ông T.

Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 ông T không có ý kiến gì.

3. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tường M trình bày:

Bà M thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Văn T, ngoài ra bà M không có trình bày hay yêu cầu gì khác. Bà M không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu về chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công K và bà Nguyễn Thị P. Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 bà M không có ý kiến gì.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị Như L trình bày:

Bà L thống nhất với toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Văn T, ngoài ra bà L không có trình bày hay yêu cầu gì khác. Bà L không đồng ý với toàn bộ các yêu cầu về chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Công K và bà Nguyễn Thị P. Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 bà L không có ý kiến gì.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Q1 trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà Q1 là ông Nguyễn Công K (sinh năm: 1928, chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm: 1927, chết năm: 1999) có 05 người con tên là: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T; ngoài những người con này thì ông K và bà P không còn người con nào khác; ông bà nội ngoại của bà Q1 đều chết trước ông K và bà P; bà Q1 cam kết việc khai hàng thừa kế như trên là đúng và tự chịu trách nhiệm với lời khai của mình. Ông K và bà P trong quá trình chung sống có tạo dựng được tài sản chung là: Diện tích đất 65m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, trên đất có một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; Ông K và bà P chết không để lại di chúc đối với phần nhà đất này và tại thời điểm ông K, bà P chết thì phần nhà đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Q1 đồng ý và hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn, ngoài ra không có yêu cầu hay trình bày gì khác.

Về căn nhà trên đất thì trước kia do ông K, bà P xây dựng lên nhưng do thời gian xây dựng đã lâu khoảng 40 năm, nhà đã cũ, rồi do nhà nước phóng đường ông T đã sửa chữa lại, sau đó do bão nhà cũng hư hỏng ông T cũng đã sửa lại, sau này thì ông T đã đập hoàn toàn căn nhà và xây dựng căn nhà như bây giờ. Bà Q1 yêu cầu chia giá trị căn nhà cũ do ông K, bà T xây dựng lên với giá trị hao mòn đến thời điểm hiện tại là khoảng 150.000.000đ.

Bà Q1 đồng ý lấy phần giá trị nhà đất được chia bằng tiền và đồng ý để lại nhà đất cho ông T. Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 bà Q1 không có ý kiến gì.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà Đ1 là ông Nguyễn Công K (sinh năm: 1928, chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm: 1927, chết năm: 1999) có 05 người con tên là: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T; ngoài những người con này thì ông K và bà P không còn người con nào khác; ông bà nội ngoại của bà Đ1 đều chết trước ông K và bà P bà Đ1 cam kết việc khai hàng thừa kế như trên là đúng và tự chịu trách nhiệm với lời khai của mình. Ông K và bà P trong quá trình chung sống có tạo dựng được tài sản chung là: Diện tích đất 65m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, trên đất có một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; Ông K và bà P chết không để lại di chúc đối với phần nhà đất này và tại thời điểm ông K, bà P chết thì phần nhà đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà Đ1 đồng ý và hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn, ngoài ra không có yêu cầu hay trình bày gì khác.

Tại thời điểm ông T làm sổ đỏ thì ông T lại nhà bà Đ1 và có đưa giấy tờ cho bà Đ1 và nói với bà Đ1 là ký tên để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua cho ông T và bà Đ1 đã ký tên vô giấy tờ mà ông T đưa, ông T không nói với tôi giấy đó là đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế, bà Đ1 ký và ghi họ tên bà Đ1 vô giấy là tại nhà bà Đ1 chứ không phải tại uỷ ban, bà Đ1 không lên uỷ ban, bà Đ1 biết chữ nhưng bà Đ1 không đọc lại giấy tờ, ông T đưa bà Đ1 kí tên vô luôn.

Bà đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Q, đồng ý lấy phần giá trị đất được chia bằng tiền và đồng ý để lại nhà đất cho ông T.

Về căn nhà trên đất thì trước kia do ông K, bà P xây dựng lên nhưng do thời gian xây dựng đã lâu, nhà đã cũ, rồi do nhà nước phóng đường ông T đã sửa chữa lại, sau đó do bão nhà cũng hư hỏng ông T cũng đã sửa lại, sau này thì ông T đã đập hoàn toàn căn nhà và xây dựng căn nhà như bây giờ. Bà Đ1 không tranh chấp căn nhà trên đất vì căn nhà đó do ông K, bà P xây lên cũng đã lâu rồi và ông T cũng đã qua nhiều lần sửa chữa và xây mới đến bây giờ, bà Đ1 đồng ý để phần giá trị căn nhà ngày xưa đó lại cho ông T. Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 bà Đ1 không có ý kiến gì.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị X trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà X là ông Nguyễn Công K (sinh năm: 1928, chết năm 1987) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm: 1927, chết năm: 1999) có 05 người con tên là: Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T; ngoài những người con này thì ông K và bà P không còn người con nào khác; ông bà nội ngoại của bà X đều chết trước ông K và bà P; bà X cam kết việc khai hàng thừa kế như trên là đúng và tự chịu trách nhiệm với lời khai của mình. Ông K và bà P trong quá trình chung sống có tạo dựng được tài sản chung là: Diện tích đất 65m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, trên đất có một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh B; Ông K và bà P chết không để lại di chúc đối với phần nhà đất này và tại thời điểm ông K, bà P chết thì phần nhà đất này cũng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà X đồng ý và hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của phía nguyên đơn, ngoài ra không có yêu cầu hay trình bày gì khác.

Trước kia ông T có xưởng nhà bà X, đưa cho bà X một tờ giấy và nói bà X lăn tay vô để ông T bán phần đất ruộng nên bà X cũng lăn tay vô giấy tờ mà ông T đưa, ông T không nói với bà X giấy đó là đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế, bà X đã lăn tay vô giấy là tại nhà của bà X chứ không phải tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, bà X không lên uỷ ban, bà X không biết chữ nên chỉ lăn tay, bà X cũng xác nhận dấu vân tay mà thẩm phán chỉ cho bà X trong tờ đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 06/6/2008 chính là dấu vân tay của bà X đã lăn tay vô. (khi thẩm phán chỉ cho bà X và hỏi về dấu vân tay thì có tất cả mọi người trong phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 15-8-2024 đã chứng kiến)

Về căn nhà trên đất thì trước kia do ba ông K và bà P xây dựng lên nhưng do thời gian xây dựng đã lâu, nhà đã cũ, rồi do nhà nước phóng đường ông T đã sửa chữa lại, sau đó do bão nhà cũng hư hỏng ông T cũng đã sửa lại, sau này thì ông T đã đập hoàn toàn căn nhà và xây dựng căn nhà như bây giờ. Bà X yêu cầu chia giá trị căn nhà cũ do ông K, bà P xây dựng lên với giá trị hao mòn đến thời điểm hiện tại là khoảng 150.000.000đ. Bà X đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà Q, đồng ý lấy phần giá trị nhà đất được chia bằng tiền và đồng ý để lại nhà đất cho ông T. Về biên bản định giá ngày 27/6/2024 bà X không có ý kiến gì.

8. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503; chỉnh lý sang tên bà Nguyễn Thị Tường M vào ngày 26/4/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và thời hạn thi hành bản án theo quy định.

9. Nội dung kháng cáo:

Ngày 08/10/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 09/10/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

10. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, để tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1 đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho các đương sự; đương sự vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1 thì thấy:

[2.1] Về hàng thừa kế:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ là trích lục giấy khai sinh, giấy chứng tử có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Cụ Nguyễn Công K (sinh năm: 1928, chết năm 1987) và cụ Nguyễn Thị P, sinh năm: 1927, chết năm: 1999) có 05 người con: ông (bà) Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T.

Cụ K, cụ P chết không để lại di chúc; căn cứ Điều 651 Bộ luật Dân sự, xác định người thừa kế di sản của cụ K, cụ P gồm có: Bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Xét yêu cầu của các (bà): Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q về yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Công K và cụ Nguyễn Thị P để lại theo quy định của pháp luật là diện tích đất 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, trên đất có một căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì thấy:

[2.2.1] Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Theo xác nhận của các ông (bà) Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Văn T thì có căn cứ để xác định: Cụ Nguyễn Công K và cụ Nguyễn Thị P chết để lại tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 65m² thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi cụ K và cụ P chết thì đất chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông T là người trực tiếp quản lý và sử dụng.

Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 65m² thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L thể hiện: Ngày 18/5/2006, ông Nguyễn Văn T có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 146+192/340+854 tờ bản đồ số 123/27, diện tích 14,9+65/35+59m², tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, trên đất có 01 căn nhà cấp 4; nguồn gốc đất theo ông T khai do cha mẹ khai phá trước năm 1975 sử dụng ổn định và cho lại con Nguyễn Văn T sử dụng đến nay. Ngày 06/6/2008, các bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1 có Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế là nhà và đất thuộc thửa đất số 146+192 tờ bản đồ số 123 diện tích 79,9m² tọa lạc tại thị trấn L và đồng ý để lại nhà đất này cho ông Nguyễn Văn T, đơn có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn L. Đến ngày 07/10/2008, ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Như L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503 đối với diện tích đất 65m², thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 02/11/2021, tại Văn phòng C – xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Như L đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Tường M đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m² và đã được chỉnh lý sang tên cho bà Nguyễn Thị Tường M vào ngày 26/4/2022.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Tại Kết luận giám định chữ ký, chữ viết ngày 02/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B đã xác định được chữ viết mang tên Nguyễn Thị Q1 trên mẫu so sánh và trong “Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 06/6/2008” là do một người viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ1 trên mẫu so sánh

và trong “Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 06/6/2008” là do một người ký, viết ra; chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Q trên mẫu so sánh và trong “Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế” là do một người ký, viết ra; không đủ cơ sở kết luận dấu vân tay mang tên Nguyễn Thị X trên mẫu cần giám định và trên mẫu so sánh có phải cùng một người hay không. Như vậy chỉ có dấu vân tay của bà Nguyễn Thị X là không đủ cơ sở để kết luận, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm bà X cũng đã xác nhận dấu vân tay trong tờ đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 06/6/2008 chính là dấu vân tay của bà X. Như vậy việc bà Q, bà Q1, bà Đ1, bà X cho rằng mình không ký tên, không lăn tay vào Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 6/6/2008 là không có cơ sở.

Căn cứ vào Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 06/6/2008 có chữ ký, chữ viết và điểm chỉ của bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị Q có nội dung: *“Tài sản chúng tôi được thừa kế là: Nhà và đất thuộc tờ bản đồ số 123, thửa đất số 146+192, diện tích 79,9 m², đất ODT tọa lạc tại H, thị trấn L. Nay chúng tôi làm văn bản này, cam kết không nhận tài sản nêu trên để lại tài sản cho em chúng tôi là ông Nguyễn Văn T thừa hưởng, chúng tôi xin cam đoan những thông tin về nhân thân đã ghi trong văn bản này là đúng sự thật và cam đoan về việc cam kết không nhận tài sản thừa kế này không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác”*; đơn đã được Ủy ban nhân dân thị trấn L chứng thực ngày 06/6/2008 thì có cơ sở để xác định: Năm 2008, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1, bà Nguyễn Thị Q đã tự nguyện phân chia di sản thừa kế của cụ K, cụ P chết để lại là diện tích 65m² thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L cho ông Nguyễn Văn T thừa hưởng. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503 ngày 07/10/2008 cho ông T, cùng vợ là bà Võ Thị Như L đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m² là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, kể từ thời điểm ông T, bà L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 07/10/2008), thì thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m² không còn là di sản thừa kế của cụ K, cụ P, mà thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T, bà L.

Vào ngày 02/11/2021, tại Văn phòng C – xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Như L đã ký Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Tường M đối với thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503; sau đó bà M đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý sang tên ngày 26/4/2022. Như vậy quy trình tặng cho và chỉnh lý sang tên bà M là đúng trình tự thủ tục theo luật định. Do đó, không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503 đã chỉnh lý sang tên bà Nguyễn Thị Tường M ngày 26/4/2022.

Xét lời trình bày của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q1 cho rằng khi nhà nước có chính sách

làm sổ đỏ nên để tiện cho việc cấp sổ đỏ, bà Q1 và bà Q có đến Ủy ban nhân dân thị trấn L ký ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T được đứng tên quyền sử dụng đất của ông K và bà P. Cụ thể tờ giấy mà bà Q và bà Q1 kí tại Ủy ban nhân dân thị trấn L là tờ giấy có tiêu đề Ủy quyền làm sổ đỏ, bà Q có viết thêm vài chữ tại chữ kí của mình: “chỉ ủy quyền cho ông T đứng tên và chỉ cho ở không cho bán”; bà Q và bà Q1 cho rằng chỉ ủy quyền cho ông T được đứng tên sổ đỏ chứ không từ chối nhận di sản thừa kế. Tuy nhiên, bà Q và bà Q1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông T không thừa nhận lời trình bày của bà Q và bà Q1. Do đó lời trình bày của bà Q, bà Q1 là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị X cho rằng ông Nguyễn Văn T đem đơn xuống nhà để bà Đ1, bà X ký tên; không phải ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn L thì thấy: Tại Đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế ngày 06/6/2008, ở phần chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn L đã thể hiện nội dung như sau: “*Chứng thực ông (bà): Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q đã ký tên và điểm chỉ vào văn bản này trước mặt của tôi, phục vụ cho việc: Cam kết không nhận tài sản thừa kế để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Đồng thời, bà Đ1, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc không đến Ủy ban nhân dân thị trấn L để ký tên và điểm chỉ. Do đó lời trình bày của bà Q, bà Q1 là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Q và bà Nguyễn Thị Q1 cho rằng: khi ký tên trong đơn không đọc nội dung, mục đích ký đơn, điểm chỉ để cho ông T được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hay chỉ tạo điều kiện cho ông T được bán đất ruộng, không phải mục đích từ chối nhận di sản thừa kế thì thấy: Bà Đ1, bà X, bà Q1 và bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên lời trình bày của bà Đ1, bà X, bà Q1 và bà Q là không có cơ sở.

Mặt khác, ông Nguyễn Văn T đã sinh sống trên nhà đất từ nhỏ cùng với ba mẹ là cụ K và cụ P. Sau khi cụ K, cụ P chết thì ông T vẫn sinh sống trên phần đất này, sau đó vào năm 2006 ông T đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 07/10/2008, ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Như L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 thì gia đình ông T vẫn tiếp tục sinh sống ổn định trên đất đồng thời ông T và gia đình đã sửa chữa cải tạo căn nhà nhiều lần và lần cuối cùng là đã đập đi xây mới. Suốt quá trình sử dụng đất thì bà Đ1, bà X, bà Q1 và bà Q không có đơn thư khiếu nại, tranh chấp.

Như vậy, thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m² có nguồn gốc là của cụ K và cụ P để lại nhưng không có di chúc. Đến ngày 06/6/2008 hàng thừa kế thứ nhất của cụ K, cụ P có đơn cam kết không nhận tài sản thừa kế và cam kết để lại tài sản cho ông T và ông T, vợ là bà L đã căn cứ vào Đơn cam kết

ngày 06/6/2008 để lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Từ ngày 06/6/2008 thì thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, diện tích 65m² có nguồn gốc là của cụ K và cụ P đã được các đồng thừa kế của cụ K, cụ P phân chia cho ông T, nên không còn là di sản thừa kế. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn chia di sản thừa kế của cụ K, cụ P và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123 tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503, chính lý sang tên bà Nguyễn Thị Tường M và đồng ý lấy giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền, đồng ý để lại toàn bộ đất cho ông T là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2] Đối với yêu cầu phân chia thừa kế là căn nhà có trên diện tích đất 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

Theo xác nhận của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1, ông Nguyễn Văn T thì khi cụ K, cụ P chết có để lại căn nhà cũ, vì thời gian xây dựng đã lâu, nhà đã cũ, rồi nhà nước thu hồi đất làm đường nên vợ chồng ông T đã sửa chữa lại. Đến năm 2006, do bão nên nhà bị hư hỏng, vợ chồng ông T cũng đã sửa chữa lại. Sau này, thì vợ chồng ông T đập bỏ căn nhà đã sửa chữa và xây dựng lại căn nhà 02 tầng, loại 1. Như vậy, có căn cứ để xác định căn nhà 02 tầng loại 1 hiện nay có trên diện tích đất 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123, tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là do vợ chồng ông T đầu tư, bỏ kinh phí xây dựng nên. Do đó, căn nhà thuộc quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng ông T, không phải là di sản thừa kế của cụ K, cụ P chết để lại. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q để xác định giá trị căn nhà hao mòn đến thời điểm hiện tại là 150.000.000 đồng là di sản thừa kế của cụ K, cụ P. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng; tuy nhiên người kháng cáo đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí; do đó Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; cụ thể:

Áp dụng: Các Điều 157, 158, 161, 165, 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 620, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về tranh chấp chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 65m², thuộc thửa đất số 192, tờ bản đồ số 123 và căn nhà có trên đất tọa lạc tại khu phố H, thị trấn L, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 963503 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị Như L ngày 07/10/2008; chỉnh lý sang tên bà Nguyễn Thị Tường M vào ngày 26/4/2022.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, định giá, giám định, trích lục hồ sơ là 6.810.500đ (sáu triệu tám trăm mười ngàn năm trăm đồng) và đã nộp đủ.

Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Q1, Nguyễn Thị Q phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 8.010.000đ (tám triệu không trăm mười ngàn đồng) và đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Q được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002146 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền (Nay là huyện L).

Bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị Q1 được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/3/2025).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Long Đất;
- VKSND huyện Long Đất;
- Chi cục THADS huyện Long Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THÂM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long

CÁC THẦM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hoàng Anh Cao Minh Vỹ

Cao Xuân Long

